

QUYẾT ĐỊNH
Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

Căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai: tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 100/BB-VPHC do Ủy ban nhân dân phường Hợp Giang lập ngày 08 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-GQXP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Để khắc phục triệt để hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với ông (bà) có tên sau đây:

Họ và tên: Khoảng Thị Kíu

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 12/12/1950

Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Hưu trí.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố 02, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng

Thẻ căn cước/CMTND: 004150002238 cấp ngày: 09/5/2021.

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại:

Điểm a, khoản 2 và khoản 3, Điều 11, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

3. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là:

Chuyển 0,0149 ha (149,3 m²) đất nông nghiệp tại khu vực đô thị là loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 235, tờ bản đồ số 13 (bản đồ địa chính năm 2015) tại tổ dân phố 02, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng để xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất làm thay đổi tình trạng ban đầu của đất.

4. Lý do không ra quyết định xử phạt:

Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

5. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện và thời gian thực hiện:

a) Biện pháp: Buộc đăng ký đất đai theo quy định đối với trường hợp có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất.

Thời gian thực hiện: 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Biện pháp: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm với số tiền là **98.672.438 đồng**.

Thời gian thực hiện: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

6. Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do bà Khoảng Thị Kjú có tên tại Điều này chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho bà Khoảng Thị Kjú là cá nhân bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

a) Bà Khoảng Thị Kíu bị buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này.

Hết thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định này mà bà Khoảng Thị Kíu không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

b) Bà Khoảng Thị Kíu có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

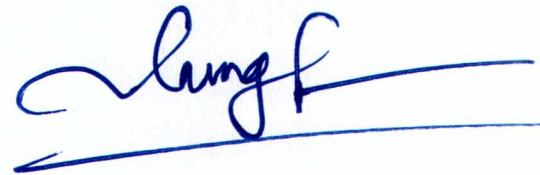
2. Gửi cho Ủy ban nhân dân phường Hợp Giang chủ trì để tổ chức thực hiện.

3. Gửi cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cao Bằng để biết và phối hợp thực hiện./ 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/hiện);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- VP HĐND và UBND thành phố;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hùng Vĩ

Quyết định đã giao trực tiếp cho bà Khoảng Thị Kiu có liên quan trực tiếp đến vụ việc vào hồi ...

giờ..... phút, ngày/...../.....

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

BẢNG TÍNH SỐ LỢI BẤT HỢP PHÁP DO THỰC HIỆN HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số **09** /QĐ - KPHQ ngày **03** tháng **01** năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng)

1. Công thức tính toán: (theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 và Điều 1, Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính Phủ)

$$\begin{aligned} \text{Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm} &= \frac{\text{Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất (G2)} - \text{Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất (G1)}}{\text{Tổng thời gian sử dụng đất theo quy định của bảng giá đất đối với loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất thuộc chế độ sử dụng có thời hạn; trường hợp thời hạn sử dụng đất lâu dài thì thời gian được tính là 70 năm}} \times \text{Số năm vi phạm} \\ G(1,2) &= \text{Diện tích đất vi phạm} \times \text{Giá đất của bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định} \end{aligned}$$

2. Các giá trị cụ thể trong công thức:

- G2: Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất = $149,3 \text{ m}^2 \times 5.262.000 \text{ đ/m}^2 = 785.616.600$ đồng (giá đất ở vị trí 4, đường loại III = $5.262.000 \text{ đ/m}^2$, đơn giá tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

- G1: Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất = $149,3 \text{ m}^2 \times 107.000 \text{ đ/m}^2 = 15.975.100$ đồng (giá đất bằng trồng cây hàng năm khác tại vùng 1: 107.000 đ/m^2 , đơn giá tại Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)

- Tổng thời gian sử dụng đất: = 70 năm (vì đất sau khi chuyển mục đích là đất lâu dài)

- Số năm vi phạm được tính như sau:

+ Nếu hành vi vi phạm xảy ra sau ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP) thì được tính từ ngày bắt đầu thực hiện hành vi vi phạm đến thời điểm xác lập Biên bản vi phạm hành chính.

+ Nếu hành vi vi phạm xảy ra trước ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP) thì được tính từ ngày Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thi hành (ngày 25/12/2014) đến thời điểm xác lập Biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp trên có hành vi vi phạm từ năm 2013 (trước ngày có Nghị định quy định hành vi vi phạm phải buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (Nghị định 102/2014/NĐ-CP)), thời gian vi phạm bắt đầu tính từ ngày 25/12/2014 đến thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính (ngày 08/12/2023). Theo quy định tại khoản 9, Điều 7, Nghị định 91/2019/NĐ-CP thì số ngày lẻ được tính bằng 0,0028 năm.

$$\text{Số năm vi phạm} = 8 \text{ năm} + 348 \text{ ngày} = 8 + 348 \times 0,0028 = 8,9744 \text{ năm.}$$

3. Kết quả tính toán số lợi bất hợp pháp:

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm (đ)	=	$\frac{785.616.600 - 15.975.100}{70}$	x	8,9744	=	98.672.438 đồng
--	---	---------------------------------------	---	--------	---	-----------------

BẢNG TÍNH SỐ LỢI BẤT HỢP PHÁP DO THỰC HIỆN HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Khoảng Thị Kúu, tổ 02, phường Hợp Giang

STT	Diện tích vi phạm	Vị trí, loại đường	Giá đất		Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất (G2)	Giá trị của diện tích đất vi phạm theo loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất (G1)	Số năm chẵn kể từ thời điểm bắt đầu chuyển mục đích sử dụng đất đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính	Số ngày lẻ vi phạm	Số năm vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7, nghị định 91/2019/NĐ-CP đối với trường hợp có lẻ ngày, tháng thì số ngày, tháng lẻ năm, quy đổi một ngày bằng 0,0028 năm	Số năm vi phạm	Tổng thời gian sử dụng đất theo quy định của bảng giá đất đối với loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất	Giá trị thu lợi bất hợp pháp phải nộp	Ghi chú
			Tại thời điểm vi phạm (theo bảng giá tại QĐ số 28 của UBND tỉnh)	Trước khi vi phạm									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(7)+(8)* (9)	(11)	(12)=((5)-(6))*(10)/(11)	
1	149,3	VT: 4; ĐL: III	5.262.000	107.000	785.616.600	15.975.100	8	348	0,0028	8,9744	70	98.672.438	